

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 2 - 2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Ông La Văn Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 2 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 844/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1980;

*Bị đơn:* Ông Lê Tấn T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ông T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Đặng Thị N trình bày:* Bà và Ông Lê Tấn T có tìm hiểu nhau, sau đó bà và Ông T tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 08/8/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do Ông T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu và đánh đập Bà N. Nay Bà N xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn. Bà và Ông T đã ly thân từ tháng 03/2021 đến nay, nên Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Lê Tấn T.

Về con chung: Ông và Ông T có một con chung tên là Lê Trung Kiên, sinh ngày 07/4/2004. Khi ly hôn Bà N đồng ý để Ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N và Ông T tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Ông Lê Tấn T trình bày:* Ông và Bà Đặng Thị N có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng có mâu thuẫn do ông có uống rượu Bà N không đồng ý nhưng mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn. Ông T hứa sẽ thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nay Bà N yêu cầu ly hôn, Ông T không đồng ý vì ông vẫn còn rất yêu vợ, thương con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và Bà N có một con chung tên Lê Trung Kiên, sinh ngày 07/4/2004. Nếu trường hợp Tòa án quyết định cho ông bà ly hôn thì Ông T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, Ông T không yêu cầu Bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và Bà N tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Ông T thừa nhận dạo gần đây ông có uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi vã nhưng không đến mức phải ly hôn và ông cũng không đánh đập Bà N. Ông mong hội đồng xét xử cho ông thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lê Tấn T. Ông T đang cư trú tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Bà Đặng Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 11/02/2022 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bà Đặng Thị N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 75

đăng ký ngày 08/8/2002 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nên hôn nhân giữa Bà N và Ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, Bà N cho rằng quá trình chung sống Ông T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu và đánh đập Bà N nên bà đã ly thân từ tháng 03/2021. Ông T cũng thừa nhận ông có hay uống rượu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nhưng ông không có đánh đập Bà N, ngoài ra ông có hứa thay đổi để vợ chồng chung sống nhưng Bà N không đồng ý. Tại phiên tòa, Ông T mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà N nhưng lại không đưa ra được bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với Bà N để Bà N chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho thời hạn để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng Bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với Ông T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa Bà N và Ông T là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc Bà N kiên quyết ly hôn với Ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà Đặng Thị N được ly hôn với Ông Lê Tấn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống có một con chung tên Lê Trung Kiên, sinh ngày 07/4/2004 hiện đang sống với Ông T. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Kiên có văn bản trình bày, nguyện vọng sống chung cùng với Ông T. Ông T và Bà N cũng thống nhất thỏa thuận trường hợp ly hôn để Ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, trên cơ sở ý kiến của Ông T và Bà N, ý kiến nguyện vọng của cháu Kiên, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần ghi nhận giao con chung Lê Trung Kiên cho Ông Lê Tấn T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tấn T và Bà Đặng Thị N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn Bà Đặng Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đặng Thị N về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn Ông Lê Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với Ông Lê Tấn T.

2. Về con chung: Ông Lê Tấn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trung Kiên, sinh ngày 07/4/2004.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tấn T và Bà Đặng Thị N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đặng Thị N và Ông Lê Tấn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà Bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Đặng Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai Ông Lê Tấn T có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thành**